

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2019
“*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thu Hương
2. Ông Trịnh Văn Nhất.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Đỗ Thị Phương T**, sinh năm 1993

HKTT: Thôn **M**, xã **H**, huyện **Y**, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện tại: Thôn Giếng, xã **T**, **TP. B**, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt)

*** Bị đơn:** Anh Phùng Minh Đ, sinh năm 1989

HKTT và chỗ ở: Thôn **M**, xã **H**, huyện **Y**, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2019, các bản tự khai, Biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị **Đỗ Thị Phương T** trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh Phùng Minh Đ có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã **H**, huyện **Y**, tỉnh Bắc Giang ngày

07/10/2014. Sau khi tổ chức hôn lễ, vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn **M**, xã **H**, huyện **Y**, tỉnh Bắc Giang, sống cùng gia đình anh **Đ**. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 2 năm, đến cuối năm 2016 thì Chị **T** đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Sau đó một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo Chị **T** nguyên nhân mâu thuẫn do anh **Đ** ở nhà có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Từ đó giữa hai vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, vợ chồng bắt đầu quan điểm từ cuộc sống sinh hoạt đến kinh tế nên ít liên lạc với nhau. Mỗi lần vợ chồng liên lạc lại xảy ra tranh cãi, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tháng 4/2019 Chị **T** hết hạn hợp đồng lao động về nước nhưng mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được. Gia đình hai bên đã hòa giải, động viên cả hai vợ chồng nhưng không có kết quả.

Chị **T** và anh **Đ** đã ly thân ngay khi Chị **T** về nước từ tháng 3/2019, đến nay khoảng năm tháng, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm gì nhau. Nay Chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh **Đ** nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh **Phùng Minh Đ**.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Phùng Minh K**, sinh ngày 15/3/2015. Cháu **Khánh** ở với ông bà ngoại từ tháng 11/2016 đến khi Chị **T** về nước tháng 3/2019 thì cháu **Khánh** tiếp tục sống cùng Chị **T** và ông bà ngoại đến nay. Chị **T** đề nghị được nuôi dưỡng cháu **Khánh** và không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con. Chị **T** đang làm công nhân tại Công ty cầu lông ba sao, thu nhập là 8.000.000 đồng/ 1 tháng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị **T** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh **Phùng Minh Đ** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến làm việc, hòa giải, công khai tài liệu chứng cứ trong vụ án nhưng anh **Đ** đều vắng mặt nên không hòa giải được. Anh **Đ** cũng không có quan điểm gì.

* Tại Biên bản làm việc ngày 27/6/2019 với bà **Đỗ Thị Năm** là mẹ đẻ anh **Đ**, được cung cấp như sau: Anh **Phùng Minh Đ** là con trai của bà. Anh **Đ** kết hôn với chị **Đỗ Thị Phương T** năm 2014, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, sống cùng bà và gia đình tại thôn **M**, xã **H**, huyện **Y**, tỉnh Bắc Giang. Quá trình vợ chồng chung sống bà không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì. Chị **T** đi lao động tại Hàn Quốc từ tháng 9/2016 đến cuối tháng 4/2019 hết hạn hợp đồng thì về nước. Từ khi về nước Chị **T** ở luôn nhà bố mẹ đẻ, chỉ về nhà bà 2-3 ngày vì gia đình bà có việc tang. Nay Chị **T** xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Về con chung: Chị **T** và anh **Đ** có 01 con chung là cháu **Phùng Minh K**, sinh ngày 15/3/2015. Cháu **Khánh** đang ở với Chị **T** và ông bà ngoại. Chị **T** và anh **Đ**

không có tài sản gì chung, không có nợ chung. Anh Đ đang làm tự do, làm cơ khí bán tôn, thu nhập được 10.000.000 đồng/1 tháng.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn không tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: Cho chị **Đỗ Thị Phương T** được ly hôn anh Phùng Minh Đ.

+ Về con chung: Giao cho Chị T nuôi con chung là cháu Phùng Minh K. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị **Đỗ Thị Phương T** phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị **Đỗ Thị Phương T** thì thấy đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị **Đỗ Thị Phương T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Phùng Minh Đ vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt Chị T, anh Đ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] - Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] - Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị Phương T** và anh Phùng Minh Đ đăng ký kết hôn ngày 07/10/2014 tại UBND xã **H**, huyện **Y**, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Chị T xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Anh Đ không có quan điểm gì về việc Chị T xin ly hôn. Xác minh tại gia đình anh Đ thì mẹ đẻ anh Đ xác nhận việc vợ chồng ly thân nhưng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên việc anh Đ vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc Tòa án triệu tập chứng tỏ anh Đ không có nguyện vọng hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Thời gian anh Đ không chung sống với Chị T đã khá dài. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T có yêu cầu được ly hôn anh Đ, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của Chị T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]- Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là Phùng Minh K, sinh ngày 15/3/2015. Cả Chị T và anh Đ đều có việc làm, có thu nhập đảm bảo về kinh tế để nuôi con. Chị T và anh Đ đều đang sống cùng bố mẹ đẻ và được gia đình hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khánh. Tuy nhiên, cháu Khánh đã ở với ông bà ngoại từ tháng 11/2016 khi Chị T đang lao động tại Hàn Quốc đến khi Chị T về nước thì cháu tiếp tục sống cùng Chị T và ông bà ngoại. Cháu Khánh còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ và để đảm bảo sự ổn định cho cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Khánh cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh Đ không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu.

[2.4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T xác định không có nợ chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]- Về án phí: Chị **Đỗ Thị Phương T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 9; Khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị **Đỗ Thị Phương T** được ly hôn với anh Phùng Minh Đ.

3. *Về con chung*: Giao cháu Phùng Minh K, sinh ngày 15/3/2015 cho chị **Đỗ Thị Phương T** trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh Phùng Minh Đ không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

4. *Về án phí*: chị **Đỗ Thị Phương T** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000474 ngày 30/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận Chị T đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị T, anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND **TP. B**;
- Chi cục THADS **TP. B**;
- Các đương sự;
- UBND xã **H**;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Ân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Ân